

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 319/2025/DS-PT
Ngày: 21 - 5 - 2025
V/v tranh chấp: "Chia thừa kế,
Yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Văn Đạt**

Bà **Nguyễn Ái Đoan**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Thanh Bạch** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và ngày 21 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2025/TLPT-DS ngày 13 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp chia thừa kế, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 291/2025/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 809/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Lê Bạch T, sinh năm 1963 (*Lê Thị Bạch T*).

Địa chỉ: Ấp An Thành Tây, xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Nơi ở: Ấp Bình An, xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang (Chết ngày 08/3/2021).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T:

+ Lê Thị S, sinh năm 1951 (Có mặt).

Địa chỉ: Số E, đường số B, Phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bà S: Mai Văn C, sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

+ Lê Thị Thu T1, sinh năm 1955 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố E, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Anh K, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: Số B P, phường P, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lê Thị S, sinh năm 1951 (Có mặt).

Địa chỉ: Số E, đường số B, Phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bà S: Mai Văn C, sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn:

1. Lê Thị Thu T1, sinh năm 1955 (Có mặt).

2. Nguyễn Hoài Thanh T2, sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố E, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy của bà T1, anh T2:

- Trương Bình T3, sinh năm 1969 (Có mặt).

Địa chỉ: Số B H, phường T, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

- Lâm Thị K1, sinh năm 1994 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn H, Sông H, Phú Yên.

Cùng địa chỉ liên hệ: Số D T, phường T, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trần Thị Cẩm T4, sinh năm 1978 (Có mặt).

2. Nguyễn Hoài Thanh T5, sinh năm 2003 (Xin vắng mặt).

3. Nguyễn Thị Thủy T6, sinh năm 2011.

Đại diện theo pháp luật của cháu T6: Nguyễn Hoài Thanh T2 và Trần Thị Cẩm T4.

Cùng địa chỉ: Khu phố E, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4. Ủy ban nhân dân thị trấn V (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố E, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người làm chứng:

1. Lê Văn T7, sinh năm 1946 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Lê Văn X, sinh năm 1961 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Trương Văn M, sinh năm 1943 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố E, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4. Ngô Văn H, sinh năm 1946 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

5. Nguyễn Văn B, sinh năm 1950 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố E, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- **Người kháng cáo:** nguyên đơn bà Lê Thị S và bị đơn bà Lê Thị Thu T1, ông Nguyễn Hoài Thanh T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị S là ông Mai Văn C trình bày:

Cha bà S tên Lê Văn N (tên gọi khác Lê Văn N1), sinh năm 1929, mất năm 2007; mẹ tên Nguyễn Thị C1, sinh năm 1928, mất năm 2015. Cha mẹ bà S có 03 người con tên: Lê Thị S, sinh năm 1951, Lê Thị Thu T1, sinh năm 1955 và Lê Bạch T, sinh năm 1966 (đã mất năm 2021), bà T không có chồng con.

Khi cụ N và cụ C1 mất có để lại di sản là thửa đất số 13, diện tích 1.153m² đất ở + cây lâu năm, tại khu phố E, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01485 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 06/6/2005 cho cụ Lê Văn N và cụ Nguyễn Thị C1. Trên đất có 01 căn nhà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 13155 do Ủy ban nhân dân tỉnh T cấp ngày 10/6/2003 cho ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị C1 đối với nhà ở địa chỉ: A Quốc lộ E, thị trấn V, huyện G, Tiền Giang; Tổng diện tích sử dụng: 68,40m²; Diện tích xây dựng: 71,76m²; Kết cấu nhà: Cột BT, V.tường, mái tole; Số tầng: 01 (BKC); Đất ở: Diện tích 300m².

Ngoài ra, cụ N và cụ C1 còn có di sản là thửa đất số 118, tờ bản đồ số 2, diện tích 882,8m² đất trồng cây lâu năm, tại khu phố E, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2002 cụ N và cụ C1 cùng lập di chúc nhằm chuyển giao thửa đất số 13, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.153m² và căn nhà trên thửa đất số 13 cho bà Lê Thị Thu T1 và ông Nguyễn Hoài Thanh T2 thừa hưởng. Năm 2005 cụ N đến Ủy ban nhân dân thị trấn V xin hủy di chúc với lý do qua đạo đức, tư cách và thái độ đối với ông bà không xứng đáng để cụ N di chúc để lại tài sản. Các chị em bà S không thỏa thuận được việc phân chia di sản thừa kế.

Bà Lê Thị S khởi kiện yêu cầu:

+ Không công nhận tính hợp pháp của di chúc do cụ Lê Văn N và cụ Nguyễn Thị C1 lập vào ngày 17/9/2002.

+ Chia thừa kế căn nhà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 13155 do Ủy ban nhân dân tỉnh T cấp ngày 10/6/2003 cho ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị C1 đối với nhà ở địa chỉ: A Quốc lộ E, thị trấn V, huyện G, Tiền Giang; Tổng diện tích sử dụng: 68,40m²; Diện tích xây dựng: 71,76m²; Kết cấu nhà: Cột BT, V.tường, mái tole; Số tầng: 01 (BKC); Đất ở: Diện tích 300m² gắn liền với phần đất diện tích 1.153m² do cụ Lê Văn N, cụ Nguyễn Thị C1 xây dựng lúc còn sống cho bà S và bà T1. Bà S yêu cầu nhận ½ giá trị căn nhà theo biên bản định giá.

+ Chia thừa kế thừa đất số 13, diện tích 1.153m² loại đất ở + cây lâu năm, tại khu phố E, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01485 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 06/6/2005 cho cụ Lê Văn N và cụ Nguyễn Thị C1 cho bà S và bà T1. Bà S yêu cầu nhận 425m² đất trồng cây lâu năm và 150m² đất ở, nhận bằng giá trị.

+ Công nhận đất diện tích 882,8m² loại đất CLN, thuộc thửa 118, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp B (Khu phố E), thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang là di sản thừa kế của cha mẹ bà S là cụ Lê Văn N, Nguyễn Thị C1 chết để lại.

+ Chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất diện tích 882,8m² loại đất CLN, thuộc thửa 118, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp B (Khu phố E), thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang cho bà S và bà T1. Bà S xin nhận ½ diện tích đất nêu trên bằng 441,4m² theo quy định của pháp luật, bà S xin nhận bằng tiền theo giá thực tế tại địa phương vào thời điểm xét xử sơ thẩm.

Ngoài ra, bà S không tranh chấp đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 9, diện tích 2.037m² đất lúa, địa chỉ khu phố E, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02749 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 19/01/2015 cho cụ Nguyễn Thị C1.

Nguyên đơn bà Lê Bạch T và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Bạch T là bà Lê Thị S trình bày:

Trước khi chết, cha mẹ bà T có tạo và để lại số tài sản như sau: Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.153,0m² đất trồng cây lâu năm (trong đó có 300m² đất thổ) do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 30/5/2005, tọa lạc tại khu phố E, Thị trấn V, huyện G, do cha bà T là cụ Lê Văn N và mẹ bà T là cụ Nguyễn Thị C1 đứng tên quyền sử dụng đất. Lúc cha, mẹ bà T còn sống cha bà T có lập 01 tờ di chúc để phần đất 1.153,0m² đất trồng cây lâu năm và 01 ngôi nhà cho Lê Thị Thu T1 (hiện tờ di chúc này bà T1 đang giữ). Nhưng sau đó bà T1 và con là Nguyễn Hoài Thanh T2 không phụng dưỡng cha mẹ bà T mà bỏ bê, nên cha bà T thấy vậy có làm tờ đơn kiện hủy bỏ di chúc mà cha bà T đã lập trước đây cho bà T1 và con là T2 được hưởng tài sản (hiện nay đơn hủy bỏ di chúc bà T đang giữ).

Đến ngày 08/03/2015 mẹ bà T chết, 03 chị em bà T có thỏa thuận để phần tài sản trên mà cha mẹ bà T để lại cả 03 chị em bà T đều được đồng sở hữu để cùng nhau lo thờ cúng ông bà, cha mẹ. Nhưng sau đó bà T1 nhờ chính quyền đến để đo đạc làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà làm thủ tục thừa kế chung. Khi cán bộ huyện ra đo đạc thì con bà T1 là T2 không cho bà T đứng tên đồng sở hữu. T2 cho rằng di chúc mà cha bà T viết trước đây mà T2 đang cất giữ T2 có được hưởng 01 phần tài sản của bà ngoại. Nên bà T không tiến hành làm thủ tục đồng sở hữu được. Sau đó bà T có họp lại, bàn bạc thống nhất T2 và

bà T1 được quyền quản lý toàn bộ tài sản là 1.153,0m² đất trồng cây lâu năm và 01 căn nhà cấp 04 nằm trên phần đất này và quy giá trị đất và nhà chia lại cho bà T và bà Lê Thị S được hưởng là 35% của tổng giá trị nên bà T và S hai người được nhận số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), trong đó bà T được hưởng 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng). Bà T1 và con là T2 đều đồng ý tiến hành làm thủ tục thừa kế làm giấy giao tiền.

Khoảng 01 tháng sau phòng công chứng đến làm thủ tục thì bà T1 và T2 không đồng ý giao tiền và yêu cầu ra Tòa án giải quyết.

Nay bà T có yêu cầu được hưởng 01 phần tiền trong tổng tài sản thừa kế mà cha mẹ bà T để lại là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng). Yêu cầu được nhận khi án có hiệu lực pháp luật. Nếu như bà T1 và T2 không đồng ý thì bà T yêu cầu được giải quyết theo luật thừa kế mà pháp luật qui định.

Ngày 24/01/2018, bà T có thay đổi và bổ sung yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thừa đất số 13, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.153m² loại đất thổ + cây lâu năm (trong đó có 300m² đất ở nông thôn), bà T yêu cầu được hưởng kỷ phần thừa kế khoảng 400.000.000 đồng theo chứng thư thẩm định giá số 0224/2017/CT ngày 07/9/2017 của công ty trách nhiệm hữu hạn G.

Năm 2021 bà T mất, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T là bà Lê Thị S xin rút yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Thu T1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Bạch T là anh Nguyễn Anh K trình bày:

Bà Lê Thị Thu T1 là hàng thừa kế thứ 2 của bà Lê Bạch T, nay bà T1 xin rút toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của bà Lê Bạch T.

Bị đơn bà Lê Thị Thu T1 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị Thu T1 là ông Trương Bình T3, bà Hoàng Thị M1, bà Lâm Thị K1 và bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày:

Bà T1 thống nhất với lời trình bày của bà S, bà T là cha mẹ bà T1 có 03 người con là bà S, bà T1 và bà T. Hiện nay di sản để lại là phần đất 1.153m², thửa đất số 13, tờ bản đồ số 2, tọa lạc ấp B, thị trấn V, loại đất cây lâu năm + đất ở. Trên phần đất hiện nay có 01 căn nhà, cụ thể căn nhà này trước đây do cụ N, cụ C1 xây cất, trước kia nhà trước là nhà ngói 03 gian lát gạch men, nhà sau mái lợp tol xi măng, vách xây gạch, nền xi măng, có nhà vệ sinh tách rời. Sau đó, con bà T1 là Nguyễn Hoài Thanh T2 có sửa chữa lại cũng như xây dựng thêm cụ thể nhà trước dán gạch tường, đóng laphong, nhà sau lát gạch men, dán gạch tường nhà sau, đóng laphong, sửa chữa nhà vệ sinh, xây thêm 04 hồ nước, xây thêm mới hàng rào, cát thêm nhà kho, đổ đất thêm, trát bê tông làm mái che, một số tài sản trong nhà do T2 mua sắm.

Năm 2002, sau khi cụ N, cụ C1 đã lập di chúc tại Ủy ban nhân dân thị trấn V thì 02 cụ có nói với bà T1 là đã lập di chúc để lại toàn bộ tài sản của 02 cụ có được cho bà T1 và con trai bà T1 là Nguyễn Hoài Thanh T2 và có đưa cho ông T2 giữ một bản di chúc đó. Bà T1 đã từng đọc nội dung trong bản di chúc này, theo nội dung thì bà T1 nhớ là có để lại cho bà T1 và con trai bà T1 nhà và diện tích đất khoảng hơn 6.000m², bà T1 không biết cụ thể diện tích, bao gồm 02 thửa đất ruộng và 01 thửa đất nền. Khi cụ N lập thủ tục hủy di chúc thì bà T1 không biết, đến khi cụ C1 mất thì bà T1 và ông T2 mới biết do bà T đem ra tờ hủy di chúc. Hiện nay di sản còn lại của cụ N, cụ C1 đã giảm chỉ còn 1.153m² do lúc còn sống cụ N đã bán bớt cụ thể khoảng năm 2003 cụ N đã bán cho bà O ở thị trấn diện tích khoảng 500m² đến 600m² giá 18.000.000 đồng, hiện bà O đã quản lý, sử dụng, số tiền do cụ N tự quyết định. Khoảng năm 2004, cụ N bán cho ông D làm bưu điện ở ấp B, thị trấn V diện tích 1.750m² giá 69.500.000 đồng, số tiền này do cụ N quyết định, theo bà T1 biết là để dưỡng già. Cuối năm 2014, đầu năm 2015, do bà T có khó khăn về tiền bạc nên có về xin cụ C1 cho bán bớt một phần đất để trả nợ, cụ C1 có thông qua bà T1 và anh T2 để bán phần đất diện tích 2.300m² đất ruộng cho anh T8 ở B giá 140.000.000 đồng, bà T1 có đồng ý và tiến hành làm thủ tục sang tên cho anh T8. Nguồn tiền bán được chia cho bà T 40.000.000 đồng, còn lại dùng vào việc mua sắm tài sản, chi tiêu trong gia đình. Bà T1 không có yêu cầu gì đối với các phần đất đã bán.

Bà Lê Thị Thu T1 không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S và bà Lê Bạch T.

Bà Lê Thị Thu T1 có đơn phản tố yêu cầu:

+ Công nhận quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bà Lê Thị Thu T1 và ông Nguyễn Hoài Thanh T2 đối với di sản thừa kế mà cụ Lê Văn N và cụ Nguyễn Thị C1 để lại theo di chúc ngày 17/9/2002.

Di sản là: Căn nhà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 13155 do Ủy ban nhân dân tỉnh T cấp ngày 10/6/2003 cho ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị C1 đối với nhà ở địa chỉ: A Quốc lộ E, thị trấn V, huyện G, Tiền Giang; Tổng diện tích sử dụng: 68,40m²; Diện tích xây dựng: 71,76m²; Kết cấu nhà: Cột BT, V.tường, mái tole; Số tầng: 01 (BKC); Đất ở: Diện tích 300m² gắn liền với thửa đất số 13, diện tích 1.153m² đất ở + cây lâu năm, tại khu phố E, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01485 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 06/6/2005 cho cụ Lê Văn N và cụ Nguyễn Thị C1.

+ Công nhận thửa đất số 118, tờ bản đồ số 02, diện tích 882,9m² (đất vườn), tại ấp B, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang là tài sản của bà Lê Thị Thu T1.

Đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 9, diện tích 2.037m² đất lúa, địa chỉ khu phố E, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02749 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 19/01/2015 cho cụ Nguyễn Thị C1 đã chuyển nhượng cho người khác khi cụ C1 còn sống nên bà T1 và anh T2 không tranh chấp.

Bị đơn ông Nguyễn Hoài Thanh T2 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Hoài Thanh T2 là ông Trương Bình T3, bà Hoàng Thị M1, bà Lâm Thị K1 và bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày:

Ông T2 thống nhất với lời trình bày của bà T1. Đối với đơn xin hủy di chúc là không đúng bởi vì chữ viết trong đơn xin hủy di chúc không phải của cụ N, không có chữ ký của cụ N trong đơn xin hủy di chúc. Ngoài ra, trong đơn xin hủy di chúc không thể hiện người viết hộ, trong lời chứng của Ủy ban nhân dân thị trấn V không chứng là có người viết hộ, ông N2 lúc đó là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn V (hiện nay đã chết) chứng là chữ ký này là đúng nhưng trong đơn xin hủy di chúc thì không có chữ ký này.

Ông Nguyễn Hoài Thanh T2 không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S và bà Lê Bạch T.

Ông Nguyễn Hoài Thanh T2 có đơn phản tố yêu cầu:

+ Tuyên bố “Đơn hủy di chúc” ngày 21/02/2005 mang tên Lê Văn N vô hiệu và yêu cầu công nhận toàn bộ di sản thừa kế của hai cụ Lê Văn N và Nguyễn Thị C1 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Lê Thị Thu T1 và ông Nguyễn Hoài Thanh T2 theo di chúc ngày 17/9/2002.

Di sản là: Căn nhà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 13155 do Ủy ban nhân dân tỉnh T cấp ngày 10/6/2003 cho ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị C1 đối với nhà ở địa chỉ: A Quốc lộ E, thị trấn V, huyện G, Tiền Giang; Tổng diện tích sử dụng: 68,40m²; Diện tích xây dựng: 71,76m²; Kết cấu nhà: Cột BT, V.tường, mái tole; Số tầng: 01 (BKC); Đất ở: Diện tích 300m² gắn liền với thửa đất số 13, diện tích 1.153m² đất ở + cây lâu năm, tại khu phố E, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01485 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 06/6/2005 cho cụ Lê Văn N và cụ Nguyễn Thị C1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Cẩm T4 trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Hoài Thanh T2, có đăng ký kết hôn và là mẹ của Thanh T5 và T. Hiện nay đang sống trong ngôi nhà và phần đất tranh chấp. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà S và bà T.

Bà đồng thuận với tất cả ý kiến của bà T1 và ông T2 đưa ra.

Ông Nguyễn Hoài Thanh T2 và bà Trần Thị Cẩm T4 là đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Hoài Thanh T5 và cháu Nguyễn Thị Thủy T6 trình bày:

Với tư cách là đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Hoài Thanh T5, sinh ngày 18/10/2003 và cháu Nguyễn Thị Thủy T6, sinh ngày 22/4/2011 thì ông bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà S, bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoài Thanh T5 trình bày:

Anh thống nhất với toàn bộ lời trình bày của ông T2 và bà T4 và thống nhất với yêu cầu phản tố của bà T1 và ông T2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân thị trấn V trình bày:

Sổ vào sổ chứng thực di chúc của cụ N và cụ C1 là sổ 03 quyển số 01 ngày 23/9/2002. Hiện nay Ủy ban nhân dân thị trấn V có lưu giữ bản di chúc của cụ N và cụ C1. Khi chứng thực di chúc của cụ N và cụ C1, cụ N và cụ C1 đã để lại 6.140m² cho Lê Thị Thu T1 và Nguyễn Hoài Thanh T2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1651 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 13/3/2001 (Ủy ban nhân dân thị trấn V đã lưu giấy photo), do 02 cụ ghi nhầm số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong di chúc vì di chúc tự 02 cụ soạn. Việc chứng thực di chúc đúng trình tự, thủ tục. Tờ di chúc của cụ N và cụ C1 được lập ngày 17/9/2002 được viết thành 02 bản, trong quá trình viết 02 bản di chúc do ghi nhầm nhưng về phần nội dung không thay đổi.

Ngày 21/5/2005, cụ Lê Văn N đến Ủy ban nhân dân thị trấn V xin hủy di chúc vì Lê Thị Thu T1 và Nguyễn Hoài Thanh T2 có thái độ không tốt đối với cụ N và cụ N đã trình bày ý kiến nguyện vọng của cụ N và nhờ viết hộ đơn cụ N đơn xin hủy di chúc. Cụ N yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn V chứng thực đơn hủy di chúc của cụ N, Ủy ban nhân dân thị trấn V đã phân tích, giải thích cho cụ N hiểu việc chứng thực hủy di chúc thủ tục như thế nào, tuy đã nhiều lần giải thích nhưng cụ N vẫn xin xác nhận đơn theo nguyện vọng ý chí của cụ N nên Ủy ban nhân dân thị trấn V xác nhận vào đơn của cụ N. Việc cụ N lăn tay vào đơn xin hủy di chúc là hoàn toàn tự nguyện và được thực hiện tại Ủy ban nhân dân thị trấn V. Ủy ban nhân dân thị trấn V xác nhận đơn của cụ N nhưng ghi nhầm là chữ ký, thực ra là điểm chỉ.

Nay với yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Hoài Thanh T2 yêu cầu Tòa án tuyên bố “đơn xin hủy di chúc” ngày 21/02/2005 mang tên Lê Văn N đã được xác nhận tại Ủy ban nhân dân thị trấn V với nội dung xác nhận “theo nội dung, đơn hủy di chúc và chữ ký là đúng” thì Ủy ban nhân dân thị trấn V không đồng ý, vì Ủy ban nhân dân thị trấn V xác nhận là theo ý chí nguyện vọng của cụ N và chỉ ghi nhầm điểm chỉ thành chữ ký.

Người làm chứng ông Lê Văn X trình bày:

Nguyên vào ngày 17/9/2002, ông có chứng kiến sự việc cụ Lê Văn N, sinh năm 1929 và vợ là Nguyễn Thị C1, sinh năm 1928, địa chỉ: Ấp B, thị trấn V,

huyện G, tỉnh Tiền Giang lập di chúc với nội dung cụ N và cụ C1 cho bà Lê Thị Thu T1 (là con của cụ N, cụ C1) và ông Nguyễn Hoài Thanh T2 (cháu ngoại của cụ N, cụ C1) được hưởng toàn bộ tài sản là 6.140m² đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 016520101 tại ấp B, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang sau khi cụ N, cụ C1 chết không ai được tranh chấp.

Khi lập tờ di chúc nêu trên, cụ N và cụ C1 đều đang trong tình trạng sức khỏe tốt, minh mẫn, tự nguyện và không có bị bất kỳ ai đe dọa, cưỡng ép trong việc lập di chúc.

Người làm chứng ông Trương Văn M trình bày:

Nguyên vào năm 2002, ông là Tổ trưởng tổ A ấp B, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Ngày 17/9/2002, ông có chứng kiến sự việc cụ Lê Văn N, sinh năm 1929 và vợ là Nguyễn Thị C1, sinh năm 1928, địa chỉ: Ấp B, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang lập di chúc với nội dung cụ N và cụ C1 cho bà Lê Thị Thu T1 (là con của cụ N, cụ C1) và ông Nguyễn Hoài Thanh T2 (cháu ngoại của cụ N, cụ C1) được hưởng toàn bộ tài sản là 6.140m² đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 016520101 tại ấp B, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang sau khi cụ N, cụ C1 chết không ai được tranh chấp.

Khi lập tờ di chúc nêu trên, cụ N và cụ C1 đều đang trong tình trạng sức khỏe tốt, minh mẫn, tự nguyện và không có bị bất kỳ ai đe dọa, cưỡng ép trong việc lập di chúc.

Người làm chứng ông Ngô Văn H trình bày:

Ông là hàng xóm của cụ Lê Văn N và cụ Nguyễn Thị C1, ông sống ngôi nhà đối diện với ngôi nhà cụ Lê Văn N. Ông sống ở đây từ nhỏ đến lớn từ trước năm 1975 ông và cụ N là người hàng xóm thân tình thường xuyên tới lui thăm nom chia sẻ, tâm sự chuyện nhà. Năm 1991 đến 1992, ông có nghe cụ N nói về việc để di chúc cho con gái là Lê Thị Thu T1 và cháu ngoại Nguyễn Hoài Thanh T2 được hưởng toàn bộ tài sản là 6.140m². Đến năm 2002 – 2003, cụ N nói với ông là đã lập di chúc cho em T1 và cháu T2 hưởng di sản là 6.140m² đất sau khi cụ N và cụ C1 chết. Sau đó ông có chứng kiến cụ N và cụ C1 lập di chúc và ký tên làm chứng vào tờ di chúc, cụ N là người biết chữ, đọc viết tốt, chính cụ N là người tự mình viết di chúc, ký tên vào di chúc, giấy tờ, khi lập di chúc sức khỏe cụ N tốt, minh mẫn, không có ai ép buộc cụ N. Ngoài ra, ông biết cụ N chỉ có ba người con Lê Thị S, Lê Thị Thu T1, Lê Bạch T nhưng chỉ có Lê Thị Thu T1 sống cùng và chăm sóc cụ N và cụ C1, còn Lê Thị S và Lê Bạch T không có sinh sống cùng với cụ N và cụ C1, bỏ đi sống ở đâu không biết. Khi cụ N mất cũng không về để tang, xe mai táng cho cụ N ông chỉ thấy bà T1 và vợ chồng cháu T2 lo hậu sự, đám tang cho cụ N chu đáo. Lúc còn sống cụ N được vợ chồng cháu T2 chăm sóc, phụng dưỡng chu toàn.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn B trình bày:

Ông là hàng xóm của cụ Lê Văn N và cụ Nguyễn Thị C1. Khi cụ N còn sống ông có nghe cụ N nói về việc để di chúc để lại tài sản là 6.140m² đất cho con gái Lê Thị Thu T1 và cháu ngoại là Nguyễn Hoài Thanh T2. Ông được biết di chúc là do cụ N tự viết và thực tế cụ N là người biết chữ, đọc viết tốt. Cụ thường xem sách, đọc truyện và cũng ký tên vào các giấy tờ.

Cụ N có ba người con Lê Thị S, Lê Thị Thu T1, Lê Bạch T. Tuy nhiên khi còn sống cụ N và cụ C1 sống cùng con Lê Thị Thu T1 và cháu trai Nguyễn Hoài Thanh T2. Lê Thị S và Lê Bạch T bỏ đi sống không ai biết. Đến khi cụ N mất vào năm 2007, Lê Thị S và Lê Bạch T cũng không về lo mai tang, hậu sự cho cụ N. Ông cũng không nghe cụ N nói gì về việc hủy bỏ di chúc để lại cho Lê Thị Thu T1 và Nguyễn Hoài Thanh T2.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 291/2024/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng khoản 2, khoản 5 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 229, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 643, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 655, Điều 660, Điều 665, Điều 666, Điều 667 Bộ luật dân sự năm 1995; Án lệ số 05/2016 được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; khoản 5 và khoản 7 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Bạch T yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.153m², loại đất thổ + cây lâu năm (trong đó có 300m² đất ở nông thôn), tại khu phố E, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01485 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 06/6/2005 cho cụ Lê Văn N và cụ Nguyễn Thị C1.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S.

2.1. Không công nhận tính hiệu lực của ½ nội dung di chúc do cụ Lê Văn N và cụ Nguyễn Thị C1 lập ngày 17/9/2002 đối với di chúc của cụ Lê Văn N.

Xác định ½ nội dung di chúc lập ngày 17/9/2002 của cụ Lê Văn N là di sản thừa kế theo pháp luật. Gồm 1/2 căn nhà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 13155 do Ủy ban nhân dân tỉnh T cấp ngày 10/6/2003 cho ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị C1 đối với nhà ở địa chỉ: A Quốc lộ E, thị trấn V, huyện G, Tiền Giang; Tổng diện tích sử dụng: 68,40m²; Diện tích xây dựng: 71,76m²; Kết cấu nhà: Cột BT, V.tường, mái tole; Số tầng: 01 (BKC); Đất ở: Diện tích 300m² gắn liền với phần đất được xây dựng trên

thửa đất số 13, diện tích 1.153m² do cụ Lê Văn N, cụ Nguyễn Thị C1 đứng tên quyền sử dụng đất và ½ Thửa đất số 13, diện tích 1.153m² đất ở + cây lâu năm, tại khu phố E, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01485 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 06/6/2005 cho cụ Lê Văn N và cụ Nguyễn Thị C1.

2.2. Chia thừa kế theo pháp luật đối với ½ di sản của cụ Lê Văn N để lại.

Buộc bà Lê Thị Thu T1 và ông Nguyễn Hoài Thanh T2 có nghĩa vụ giao cho bà Lê Thị S số tiền 1.202.791.000 đồng.

Kể từ ngày bà Lê Thị S có đơn yêu cầu thi hành án nếu **bà Lê Thị Thu T1 và ông Nguyễn Hoài Thanh T2** không thi hành số tiền trên thì hàng tháng bà T1 và ông T2 phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.3. Chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Lê Văn N và cụ Nguyễn Thị C1 đối với thửa đất số 118, tờ bản đồ số 2, diện tích đo đạc thực tế 867,2m² đất cây lâu năm, địa chỉ: khu phố E, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Buộc bà Lê Thị Thu T1 có nghĩa vụ giao cho bà Lê Thị S số tiền 403.600.000 đồng.

Kể từ ngày bà Lê Thị S có đơn yêu cầu thi hành án nếu **bà Lê Thị Thu T1** không thi hành số tiền trên thì hàng tháng bà T1 phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Bà Lê Thị Thu T1 được quyền quản lý, sử dụng đối với thửa đất số 118, tờ bản đồ số 2, diện tích đo đạc thực tế 867,2m² đất cây lâu năm, địa chỉ: khu phố E, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Có sơ đồ kèm theo.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Lê Thị Thu T1 về việc yêu cầu công nhận tính hợp pháp của di chúc lập ngày 17/9/2002 của cụ Lê Văn N và cụ Nguyễn Thị C1.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị Thu T1 về việc công nhận thửa đất số 118, tờ bản đồ số 02, diện tích 882,9m² (đo đạc thực tế 867,2m²) đất vườn, tại ấp B, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang là tài sản của bà Lê Thị Thu T1.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Hoài Thanh T2 về việc yêu cầu công nhận tính hợp pháp của di chúc lập ngày 17/9/2002 của cụ Lê Văn N và cụ Nguyễn Thị C1.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Hoài Thanh T2 về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với đơn xin hủy di chúc ngày 21/02/2005 của cụ Lê Văn N.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Lê Thị Thu T1 và ông Nguyễn Hoài Thanh T2 về việc công nhận tính hiệu lực đối với ½ nội dung di chúc lập ngày 17/9/2002 của cụ Lê Văn N và cụ Nguyễn Thị C1 đối với phần di chúc của cụ Nguyễn Thị C1.

Giao cho ông Nguyễn Hoài Thanh T2 và bà Lê Thị Thu T1 được tiếp tục quản lý, sở hữu đối với căn nhà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 13155 do Ủy ban nhân dân tỉnh T cấp ngày 10/6/2003 cho ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị C1 đối với nhà ở địa chỉ: A Quốc lộ E, thị trấn V, huyện G, Tiền Giang; Tổng diện tích sử dụng: 68,40m²; Diện tích xây dựng: 71,76m²; Kết cấu nhà: Cột BT, V.tường, mái tole; Số tầng: 01 (BKC); Đất ở: Diện tích 300m² gắn liền với phần đất được xây dựng trên thửa đất số 13, diện tích 1.153m² do cụ Lê Văn N, cụ Nguyễn Thị C1 đứng tên quyền sử dụng đất và thửa đất số 13, diện tích 1.153m² (đo đạc thực tế 1.136,4m²) đất ở + cây lâu năm, tại khu phố E, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01485 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 06/6/2005 cho cụ Lê Văn N và cụ Nguyễn Thị C1 theo nội dung di chúc ngày 17/9/2002.

Có sơ đồ kèm theo.

Ngày 18/7/2024, bị đơn bà Lê Thị Thu T1, Nguyễn Hoài Thanh T2 có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa Phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 22/7/2024, nguyên đơn bà Lê Thị S có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa Phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Ngày 16/4/2025, bà Lê Thị Thu T1 và ông Nguyễn Hoài Thanh T2 có đơn sửa đổi, bổ sung đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

1. Tuyên bố vô hiệu đối với đơn xin hủy di chúc ngày 21/02/2005 của cụ Lê Văn N.

2. Công nhận tính hiệu lực của toàn bộ nội dung di chúc do cụ Lê văn N và cụ Nguyễn Thị C1 lập ngày 17/9/2002, xác định toàn bộ tài sản theo nội dung di chúc cho bà Nguyễn Thị Thu T9 và Nguyễn Hoài Thanh T2 nhận thừa kế bao gồm:

- Căn nhà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5207010150, hồ sơ gốc số 13155 do Ủy ban nhân dân tỉnh T cấp ngày 10/6/2003 cho ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị C1 đối với nhà ở địa chỉ: A, Quốc lộ E, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Thửa đất số 13, diện tích 1.153m² đất trồng cây lâu năm+đất ở tại Ấp B (nay là khu phố E), thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01485 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 06/6/2005 cho cụ Lê văn N và cụ Nguyễn Thị C1.

3. Công nhận thừa đất số 118, tờ bản đồ số 2, diện tích 882,9m² (đo đạc thực tế 867,2m²) đất vườn, tại ấp B, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang là tài sản của bà Lê Thị Thu T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Bà S, bà T1 và ông T2 kháng cáo nhưng không bổ sung thêm được chứng cứ tài liệu gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà S, bà T1 và ông T2, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp thừa kế; yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất” là có căn cứ và phù hợp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang, anh Nguyễn Hoài Thanh T5 có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt đối với các đương sự.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Bạch T là bà Lê Thị S và bà Lê Thị Thu T1 rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Bạch T, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà T là có căn cứ và phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án: Cụ Lê Văn N (sinh năm 1929, chết năm 2007) và cụ Nguyễn Thị C1 (sinh năm 1928 chết năm 2015) có 03 người con gồm: Lê Thị S, sinh năm 1951; Lê Thị Thu T1, sinh năm 1955 và Lê Bạch T (Lê Thị Bạch T), sinh năm 1966 (bà Bạch T chết năm 2021 không có chồng, con).

Tài sản của cụ N và cụ C1 là thừa đất số 13, tờ bản đồ số 9, diện tích 2037m² loại đất trồng lúa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có sổ vào sổ cấp giấy 01484 ngày 06/6/2005; thừa đất số 13, tờ bản đồ số 2, diện tích

1153m², loại đất trồng cây lâu năm và đất ở, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy 01485 ngày 06/6/2005 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp. Cả hai thửa đất tại ấp B, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang; 01 căn nhà bán kiên cố được xây dựng trên thửa đất số 13, tờ bản đồ số 2 theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 13155 ngày 10/6/2003 do Ủy ban nhân dân tỉnh T cấp giấy chứng nhận.

Theo bà S trình bày tài sản của cụ N và cụ C1 còn có thửa đất số 118, tờ bản đồ số 2 diện tích 882,8m² đất trồng cây lâu năm tại ấp B (nay là khu phố E) thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang, thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng.

Bà T1 cho rằng thửa đất số 118, tờ bản đồ số 2 diện tích 882,8m² đất trồng cây lâu năm tại ấp B (nay là khu phố E) thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang là tài sản của bà.

Ngày 17/9/2002, cụ Lê Văn N và cụ Nguyễn Thị C1 lập di chúc để lại cho con gái Lê Thị Thu T1, sinh năm 1955 và cháu ngoại tên Nguyễn Hoài Thanh T2 con của bà Lê Thị Thu T1 tài sản là 01 ngôi nhà ngói 03 gian và diện tích đất là 6140m², di chúc được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện G chứng thực có số chứng thực 03, quyền số 01 TP/CC-SCT/DCTC. Ngày 21/02/2005 cụ Lê Văn N làm đơn xin hủy di chúc với lý do bà T1 và ông T2 đạo đức, tư cách và thái độ đối với ông bà không xứng đáng để cụ di chúc để lại tài sản, đơn được Ủy ban nhân dân thị trấn V ký xác nhận.

Đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 9, diện tích 2037m² loại đất trồng lúa, do cụ N và cụ C1 đứng tên giấy chứng nhận theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy 01484 ngày 06/6/2005, sau khi cụ N chết ngày 13/12/2014 cụ C1, bà T1, bà T lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản, bà T1 và bà T tự nguyện nhường toàn bộ phần thừa kế của hai bà được hưởng là phần di sản của cụ N để lại là diện tích đất 2037m² cho cụ C1 và cụ C1 đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào năm 2015 sau đó cụ C1 đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất này cho người khác. Nay bà S và bà T1 không yêu cầu gì đối với thửa đất này.

Bà S khởi kiện yêu cầu không công nhận tính hợp pháp của di chúc do cụ Lê Văn N và cụ Nguyễn Thị C1 lập ngày 17/9/2002. Chia thừa kế căn nhà trên thửa đất số 13, tờ bản đồ số 2 tại thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang, bà yêu cầu nhận $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà theo biên bản định giá.

Chia thừa kế thửa đất số 13, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.153m² loại đất cây lâu năm và đất ở, bà yêu cầu nhận $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất.

Yêu cầu công nhận diện tích 882,8m² loại đất cây lâu năm thuộc thửa số 118, tờ bản đồ số 2, tại ấp B thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang là di sản của cụ N và cụ C1. Yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất này, bà yêu cầu được nhận ½ giá trị quyền sử dụng đất.

Bà Lê Thị Thu T1 và ông Nguyễn Hoài Thanh T2 có yêu cầu phản tố: Yêu cầu tuyên bố “Đơn xin hủy di chúc” ngày 21/02/2005 mang tên Lê Văn N vô hiệu. Yêu cầu công nhận toàn bộ di sản thừa kế của hai cụ Lê Văn N và Nguyễn Thị C1 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Lê Thị Thu T1 và ông Nguyễn Hoài Thanh T2 theo di chúc ngày 17/9/2002.

Yêu cầu công nhận thửa đất số 118, tờ bản đồ số 02, diện tích 882,9m² (đất vườn) tại ấp B, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang là tài sản của bà Lê Thị Thu T1.

Tòa án cấp sơ thẩm xử, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Lê Thị Thu T1 và ông Nguyễn Hoài Thanh T2, bà S, bà T1 và ông T2 không đồng ý với quyết định án sơ thẩm nên có yêu cầu kháng cáo.

[3] Xét nội dung kháng cáo và yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị S, bà Lê Thị Thu T1 và ông Nguyễn Hoài Thanh T2, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Mai Văn C là người đại diện theo ủy quyền của bà S cho rằng cụ Nguyễn Thị C1 là người không biết chữ, theo quy định của pháp luật thì khi lập di chúc phải có người làm chứng nhưng di chúc do cụ N và cụ C1 lập ngày 17/9/2002 không có người làm chứng là không phù hợp về nội dung lẫn hình thức.

Nhận thấy, “Tờ di chúc” được cụ N và cụ C1 lập ngày 17/9/2002 có nội dung “Nguyên tôi có một tài sản gồm một ngôi nhà ngói 3 gian và diện tích đất là 6140m²(sáu ngàn một trăm bốn mươi mét vuông) số CNQSD đất 016520101. Tài sản trên tôi lập tờ di chúc để lại cho con gái tôi Lê Thị Thu T1, sinh năm 1955 và đưa cháu ngoại tên Nguyễn Hoài Thanh T2 con của Lê Thị Thu T1 được hưởng trọn tài sản như đã kê khai như phần kể trên, khi nào hai vợ chồng tôi qua đời không có ai được quyền tranh chấp, di chúc này có hiệu lực pháp luật khi tôi qua đời. Di chúc này được thông qua tại Ủy ban nhân dân thị trấn V”. Di chúc do chính tay cụ N viết thể hiện ý chí, nguyện vọng của hai cụ và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn V chứng thực ngày 23/9/2002 có số chứng thực 03, quyển số 01 TP/CC-SCT/DCTC. Tại Văn bản số 01/CV.UB ngày 08/01/2019 của Ủy ban nhân dân thị trấn V có nội dung “Khi chứng thực di chúc ông N và bà C1, ông N và bà C1 đã để lại tài sản 6140m² cho Lê Thị Thu T1 và Nguyễn Hoài Thanh T2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1651

do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 13/3/2001 (UBND thị trấn đã lưu giấy photo), do ông bà ghi nhầm số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong di chúc vì di chúc tự ông bà soạn thảo. Việc chứng thực di chúc đúng trình tự thủ tục. Tờ di chúc của ông N và bà C1 được lập ngày 17/9/2002 được viết thành 02 bản, trong quá trình viết 02 bản di chúc do ghi nhầm nhưng về phần nội dung không thay đổi. Hiện nay Ủy ban nhân dân thị trấn V có lưu giữ 01 bản di chúc của ông N và bà C1”. Như vậy, về mặt hình thức di chúc ngày 17/9/2002 do cụ N và cụ C1 lập đã tuân thủ đúng qui định tại điều 658 và điều 660 Bộ luật dân sự năm 1995.

[3.1.2] Về nội dung di chúc, theo Văn bản số 1951/CNVPĐK ngày 28/12/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G có nội dung:

“Ông Lê Văn N sinh năm 1929, ngụ khu phố E, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang có quản lý và sử dụng thửa đất số 35, tờ bản đồ số 5, diện tích 2.035m², đất lúa; thửa đất số 336, tờ bản đồ số 5, diện tích 645m², đất vườn; thửa đất số 545, tờ bản đồ số 5, diện tích 1990m², đất lúa tại khu phố E (ấp B), thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 1651 ký ngày 13/3/2001.

Đến tháng 9 năm 2001, ông Lê Văn N đã chuyển nhượng cho bà Trần Thị Kim L diện tích 1.280m², đất vườn, 01 phần thửa 35 và ông Lê Văn N đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 1651 ký ngày 20/11/2001 (thửa số 35, tờ bản đồ số 5, diện tích 1470m², đất vườn thổ; thửa đất số 335, tờ bản đồ số 5, diện tích 2035m² đất lúa; thửa đất số 336, tờ bản đồ số 5, diện tích 645m², đất vườn; thửa đất số 545, tờ bản đồ số 5, diện tích 1990m² đất lúa). Như vậy tại thời điểm 17/9/2002 thì ông Lê Văn N có quản lý tổng diện tích 6140m² gồm thửa 35, 335, 336, 545 tờ bản đồ số 5 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 1651, ký ngày 20/11/2001.

Đến tháng 6 năm 2004, ông Lê Văn N đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Kim O trọn thửa 336, tờ bản đồ số 5 và ông Lê Văn N đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01485 ký ngày 02/11/2004 (gồm thửa đất số 13, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.153m², thửa số 83, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.738m² đất lúa; thửa số 13, tờ bản đồ số 9, diện tích 2.037m²).

Đến tháng 4 năm 2005, ông Lê Văn N đã chuyển nhượng cho ông Huỳnh Văn D trọn thửa 83, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.738m². Riêng thửa 13, tờ bản đồ số 9, diện tích 2.037m² đất lúa và thửa 13, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.153m² đất cây lâu năm và đất ở (trong đó 300m² đất ở) ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị

C1 đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01484, 01485 ngày 06/6/2005”.

Như vậy, mặc dù nội dung di chúc cụ N và cụ C1 không nói rõ nơi có di sản nhưng theo nội dung văn bản trên thì tại thời điểm hai cụ lập di chúc diện tích đất của hai cụ 6.140m² là hoàn toàn phù hợp và diện tích đất chỉ có một nơi duy nhất là ở khu phố E, thị trấn V, huyện G tỉnh Tiền Giang. Xét về nội dung di chúc đã tuân thủ đúng theo điều 656 Bộ luật dân sự năm 1995. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà S về việc không công nhận tính hợp pháp của di chúc và nhận định di chúc do cụ N và cụ C1 lập ngày 17/9/2002 hợp lệ theo quy định tại điều 655 Bộ luật dân sự năm 1995 là có cơ sở và phù hợp.

[3.2] Xét yêu cầu của bà Lê Thị Thu T1 và ông Nguyễn Hoài Thanh T2 yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với đơn xin hủy di chúc ngày 21/02/2005 của cụ N, Hội đồng xét xử nhận thấy đơn xin hủy di chúc lập ngày 21/02/2005 được cụ N điểm chỉ và được Ủy ban nhân dân thị trấn V chứng thực cùng ngày. Bà T1, ông T2 không đồng ý với nội dung đơn xin hủy di chúc tuy nhiên theo kết luận giám định số 1284/KLGD-TT ngày 31/7/2019 của Phòng K2 Công an thành phố H kết luận: Dấu vân tay “trở phải” dưới mục “Người làm đơn” trên “ĐƠN XIN HỦY DI CHỨC” so với dấu vân tay ngón “trở phải” của Lê Văn N dùng làm mẫu so sánh là dấu vân tay của cùng một người. Tại Văn bản số 05/CV.UB ngày 21/12/2016 của Ủy ban nhân dân thị trấn V có nội dung “... Đến ngày 21/02/2005 ông Lê Văn N đến Ủy ban nhân dân thị trấn V xin hủy di chúc vì bà Lê Thị Thu T1 và ông Nguyễn Hoài Thanh T2 có thái độ không tốt đối với ông. Ông N đã nhờ người viết hộ đơn ông đơn xin hủy di chúc, Ủy ban nhân dân thị trấn đã cho ông N lặn tay vào đơn xin hủy di chúc, khi Ủy ban nhân dân thị trấn xác nhận đơn của ông N nhưng do ghi nhầm là chữ ký, thực ra là điểm chỉ”. Như vậy đã có đủ cơ sở để xác định đơn xin hủy di chúc là do cụ N lập thể hiện ý chí của cụ. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà T1 và ông T2 về việc tuyên bố vô hiệu đối với đơn xin hủy di chúc được lập ngày 21/02/2005 của cụ N là có cơ sở và hoàn toàn phù hợp.

Như vậy di chúc ngày 17/9/2002 chỉ phát sinh hiệu lực đối với phần di sản của cụ C1, phần di sản của cụ N sẽ được chuyển sang chia thừa kế theo pháp luật, cụ N chết năm 2007 theo quy định tại điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu thừa kế vẫn còn, di sản của cụ N được chia cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ N là bà S và bà T1.

[3.3] Tài sản của cụ N và cụ C1 tại thời điểm lập di chúc là căn nhà ngói 03 gian và diện tích 6.140m² đất, tuy nhiên qua quá trình biến động bà S và bà T1 xác định di sản của cụ N và cụ C1 còn lại theo di chúc là thửa đất số 13, tờ bản

đồ số 2, diện tích 1.153m² đất trồng cây lâu năm + đất ở (đất ở 300m²) tại ấp Bkhu phố E), thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01485 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 06/6/2005 và căn nhà có diện tích xây dựng là 71,76m², diện tích sử dụng là 68,40m² kết cấu cột BT, vách tường, mái tole, số tầng 01 (BKC); Đất ở 300m² gắn liền với thửa đất được xây dựng trên thửa đất số 13. Như vậy ½ thửa đất số 13 và ½ căn nhà xây dựng trên thửa đất số 13 là di sản của cụ C1 được công nhận theo di chúc lập ngày 17/9/2002 cho bà T1 và ông T2, ½ thửa đất số 13 và ½ căn nhà xây dựng trên thửa đất số 13 là di sản của cụ N được xem xét chia thừa kế theo pháp luật cho bà S và bà T1.

[3.3.1] Đối với thửa đất số 13, diện tích 1.153m², qua đo đạc thực tế diện tích còn lại là 1.136,4m², như vậy ½ diện tích của cụ N để chia thừa kế là 568,2m², theo biên bản định giá tài sản ngày 15/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện G thì giá đất chuyển nhượng thực tế tại địa phương đối với đất cùng loại là 6.000.000đồng/m², diện tích 568,2m² có giá trị thành tiền là 3.409.200.000đồng. Đối với căn nhà, theo Chứng thư thẩm định giá ngày 07/9/2017 của Công ty TNHH G gồm nhà ở và nhà sau có giá là 398.348.000đồng, như vậy ½ giá trị nhà của cụ N là 199.174.000đồng, tổng giá trị nhà, đất của cụ N là 3.608.374.000đồng.

Bà S kháng cáo không đồng ý chia làm 03 kỷ phần, tại phiên tòa phúc thẩm bà S cho rằng bà T1 và ông T2 không có công sức đóng góp và gìn giữ di sản trên, công sức là của bà T, khi bà T còn sống bà T là người quản lý tài sản, nay bà T chết thì không ai được hưởng phần công sức đóng góp.

Xét thấy tại biên bản hòa giải ngày 15/7/2016, bà Lê Thị Bạch T trình bày: “..Căn nhà do cụ N và cụ C1 xây cất năm 2001, nhà trước 3 gian mái lợp ngói, tường xây gạch có tô, sơn, nền lát gạch men, nhà sau mái lợp tole xi măng, có nhà vệ sinh tách rời. Sau này ông T2 có sửa lại bằng cách dán gạch tường nhà trước, lát gạch nhà sau, đổ đất nâng sân, xây hồ nước, xây tường rào” và tại biên bản hòa giải ngày 15/7/2016 bà S xác định việc ông T2 có tu bổ như lời trình bày của bà T là đúng. Hơn nữa theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện từ năm 1993 bà T có chồng và sinh sống tại ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long đến năm 2021 bà T chết cũng tại địa chỉ trên. Như vậy việc bà S cho rằng bà T là người quản lý nhà, đất của cụ N và cụ C1 và là người có công sức bảo quản, giữ gìn tài sản trên là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm xác định công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế của bà T1 và ông Thế L1 có cơ sở và căn cứ vào án lệ số 05/2016/AL chia cho bà T1, ông T2 tương đương 01 kỷ phần thừa kế đối với di sản của cụ N là hoàn toàn phù hợp. Phần di sản của cụ N

có giá trị là 3.608.374.000 đồng được chia làm 03 kỷ phần gồm bà S, bà T1 và bà T1, ông T2. Do bà S yêu cầu được nhận bằng giá trị nên Tòa án cấp sơ thẩm giao toàn bộ nhà, đất cho bà T1 và ông T2 quản lý, sở hữu và sử dụng, bà T1 và ông T2 có nghĩa vụ giao lại kỷ phần thừa kế cho bà S với số tiền 1.202.791.000 đồng là hoàn toàn phù hợp.

[3.3.2] Đối với thửa đất số 118, tờ bản đồ số 2, diện tích 882,8m² loại đất cây lâu năm qua đo đạc thực tế có diện tích là 867,2m² tại ấp B (khu phố E), thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang, theo bà T1 trình bày thì bà được cụ N và cụ C1 cho vào năm 1984 và bà đã đăng ký kê khai từ năm 1999 đến nay nên bà yêu cầu công nhận đây là tài sản của bà. Bà S không thừa nhận có sự tặng cho từ cụ N, cụ C1 cho bà T1 và tại phiên tòa phúc thẩm bà S không đồng ý trừ diện tích 42m² cho bà T1, bà chỉ đồng ý trừ diện tích 02 ngôi mộ là 20m², bà yêu cầu công nhận đây là di sản thừa kế của cụ N và cụ C1 và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

Theo Văn bản số 1635/UBND-TNMT ngày 06/6/2023 của Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang có nội dung “Theo tài liệu đất đai được lưu trữ tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T căn cứ Chỉ thị 299/TTG ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ thì sổ mục kê ruộng đất tương ứng với thửa đất số 118 nêu trên là do ông Lê Văn N đứng tên. Theo hồ sơ tài liệu đất đai được lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện thì sổ mục kê ruộng đất vào bản đồ địa chính đo vẽ tỷ lệ 1/5000 được thành lập vào năm 1999, tại vị trí tương ứng với thửa đất số 118 nêu trên là thửa đất số 219 diện tích 920m² đất vườn + thổ, tờ bản đồ số 5 do bà Lê Thị T1 (Lê Thị Thu T1) đứng tên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” và tại Văn bản số 148/UBND-ĐC ngày 07/5/2024 của Ủy ban nhân dân thị trấn V có nội dung “Qua kiểm tra, không có chứng từ thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản đóng góp của người sử dụng đất Lê Thị Thu T1, sinh năm 1955, địa chỉ khu phố E, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang từ năm 1999 đến năm 2024 đối với thửa đất số 118, tờ bản đồ số 2, diện tích 882,9m² (đất vườn), tại ấp B (khu phố E), thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang”.

Từ chứng cứ nêu trên cho thấy thửa đất số 118 bà T1 có đăng ký kê khai vào năm 1999 nhưng lúc này cụ N còn đứng tên trong sổ mục kê ruộng đất 299, bà T1 không chứng minh được có sự tặng cho của cụ N và cụ C1 tại thời điểm bà đăng ký kê khai, tuy bà T1 có quản lý công khai liên tục đối với thửa đất 118 nhưng chưa đủ 30 năm và từ khi kê khai bà T1 cũng không thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản đóng góp đối với thửa đất 118 nên không đủ điều kiện để xác lập quyền sở hữu thửa đất trên cho bà T1. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không

chấp nhận yêu cầu phản tố này của bà T1 mà xác định đây là di sản của cụ N và cụ C1 chết để lại và xem xét chia theo pháp luật thừa kế là có căn cứ và phù hợp.

[3.3.3] Trên thửa đất 118, vào năm 1994 bà T1 có cất một căn nhà thô sơ với diện tích là 42m² và hiện nay căn nhà trên vẫn còn hiện hữu. Xét thấy từ khi bà T1 cất nhà trên đất đến khi cụ N chết là 13 năm, cụ C1 chết là 20 năm nhưng cụ C1 và cụ N không có khiếu nại hay tranh chấp gì đối với diện tích đất cất nhà của bà T1, bà S và bà T cũng không có ý kiến. Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện ủy quyền của bà S cũng tự nguyện trừ diện tích đất cất nhà cho bà T1. Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần diện tích đất để chia thừa kế sau khi trừ diện tích mộ và căn nhà của bà T1 còn lại là 807,2m². Bà T1 là người trực tiếp quản lý đất từ năm 1999 đến nay nên căn cứ vào án lệ số 05/2016/AL để tính công sức quản lý, tôn tạo di sản của bà T1 tương đương 01 kỷ phần thừa kế đối với di sản của cụ N và cụ C1 là hoàn toàn phù hợp.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 15/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện G thì giá đất chuyển nhượng thực tế tại địa phương đối với thửa đất số 118 là 1.500.000đồng/m², diện tích 807,2m² giá trị thành tiền là 1.210.800.000đồng, được chia làm 03 phần, mỗi phần tương đương 403.600.000đồng, do bà S yêu cầu được nhận bằng giá trị vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T1 có nghĩa vụ hoàn giá trị kỷ phần thừa kế được chia cho bà S là 403.600.000đồng, giao cho bà T1 được tiếp tục quản lý sử dụng thửa đất số 118, diện tích 867,2m² cùng công trình và cây trồng trên đất là hoàn toàn phù hợp.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà S cũng như yêu cầu kháng cáo của bà T1, ông Thế L1 không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà T1, bà S được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm, ông T2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, Điều 244, khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điều 655, điều 656, điều 658 và điều 660 Bộ luật dân sự năm 1995.

Căn cứ điều 611, điều 612, điều 613, điều 623, điều 643, điều 649, điều 650, điều 651, khoản 2 điều 660, điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95 Luật đất đai năm 2013; Án lệ số 05/2016/AL; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điểm đ khoản 1 điều 12, điều 48 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị S, bà Lê Thị Thu T1 và ông Nguyễn Hoài Thanh T2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 291/2024/DS-ST ngày 18/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Bạch T yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.153m², loại đất thổ + cây lâu năm (trong đó có 300m² đất ở nông thôn), tại khu phố E, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01485 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 06/6/2005 cho cụ Lê Văn N và cụ Nguyễn Thị C1.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S.

3.1. Không công nhận tính hiệu lực của ½ nội dung di chúc do cụ Lê Văn N và cụ Nguyễn Thị C1 lập ngày 17/9/2002 đối với nội dung di chúc của cụ Lê Văn N.

Xác định ½ nội dung di chúc lập ngày 17/9/2002 của cụ Lê Văn N là di sản thừa kế theo pháp luật. Gồm 1/2 căn nhà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc 13155 do Ủy ban nhân dân tỉnh T cấp ngày 10/6/2003 cho ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị C1 đối với nhà ở địa chỉ: A Quốc lộ E, thị trấn V, huyện G, Tiền Giang; Tổng diện tích sử dụng: 68,40m²; Diện tích xây dựng: 71,76m²; Kết cấu nhà: Cột BT, vách tường, mái tole; Số tầng: 01 (BKC); Đất ở: Diện tích 300m² gắn liền với phần đất được xây dựng trên thửa đất số 13, diện tích 1.153m² do cụ Lê Văn N, cụ Nguyễn Thị C1 đứng tên quyền sử dụng đất và ½ Thửa đất số 13, diện tích 1.153m² đất ở + cây lâu năm, tại khu phố E, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01485 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 06/6/2005 cho cụ Lê Văn N và cụ Nguyễn Thị C1.

3.2. Chia thừa kế theo pháp luật đối với ½ di sản của cụ Lê Văn N để lại.

Buộc bà Lê Thị Thu T1 và ông Nguyễn Hoài Thanh T2 có nghĩa vụ giao cho bà Lê Thị S số tiền 1.202.791.000 đồng.

3.3. Xác định thửa đất số 118, tờ bản đồ số 2, diện tích đo đạc thực tế 867,2m² đất cây lâu năm tại khu phố E, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang là di sản của cụ Lê Văn N và cụ Nguyễn Thị C1. Chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất 807,2m² thuộc thửa đất số 118 cho bà Lê Thị S và bà Lê Thị Thu T1.

Buộc bà Lê Thị Thu T1 có nghĩa vụ giao cho bà Lê Thị S giá trị 01 kỳ phần thừa kế là 403.600.000đồng.

Bà Lê Thị Thu T1 được quyền quản lý, sử dụng và đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 118, tờ bản đồ số 2, diện tích đo đạc thực tế 867,2m² đất cây lâu năm tại khu phố E, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Có sơ đồ kèm theo).

Kể từ ngày bà Lê Thị S có yêu cầu thi hành án nếu bà Lê Thị Thu T1, ông Nguyễn Hoài Thanh T2 chậm thi hành các khoản tiền trên thì hàng tháng bà T1, ông T2 còn phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Lê Thị Thu T1 về việc yêu cầu công nhận tính hợp pháp của di chúc lập ngày 17/9/2002 của cụ Lê Văn N và cụ Nguyễn Thị C1.

5. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị Thu T1 về việc công nhận thửa đất số 118, tờ bản đồ số 02, diện tích 882,9m² (đo đạc thực tế 867,2m²) đất vườn, tại ấp B (khu phố E), thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang là tài sản của bà Lê Thị Thu T1.

6. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Hoài Thanh T2 về việc yêu cầu công nhận tính hợp pháp của di chúc lập ngày 17/9/2002 của cụ Lê Văn N và cụ Nguyễn Thị C1.

7. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Hoài Thanh T2 về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với đơn xin hủy di chúc ngày 21/02/2005 của cụ Lê Văn N.

8. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Lê Thị Thu T1 và ông Nguyễn Hoài Thanh T2 về việc công nhận tính hiệu lực đối với ½ nội dung di chúc lập ngày 17/9/2002 của cụ Lê Văn N và cụ Nguyễn Thị C1 đối với phần di chúc của cụ Nguyễn Thị C1.

Bà Lê Thị Thu T1 và ông Nguyễn Hoài Thanh T2 được tiếp tục quản lý, sử dụng và liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 2, diện tích đo đạc thực tế là 1.136,4m² (đất ở đô thị 300m², đất trồng cây lâu năm 836,4m²) tại khu phố E, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01485 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 06/6/2005 cho cụ Lê Văn N và cụ Nguyễn Thị C1 và được quản lý, sở hữu căn nhà ở địa chỉ: A Quốc lộ E, thị trấn V, huyện G, Tiền Giang; Tổng diện tích sử dụng: 68,40m²; Diện tích xây dựng: 71,76m²; Kết cấu nhà: Cột BT,

vách tường, mái tole; Số tầng: 01 (BKC) Đất ở: Diện tích 300m² gắn liền với phần đất xây dựng trên thửa đất số 13, do cụ Lê Văn N và cụ Nguyễn Thị C1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc 13155 do Ủy ban nhân dân tỉnh T cấp ngày 10/6/2003.

(Có sơ đồ kèm theo).

9. Về án phí: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà Lê Thị S và bà Lê Thị Thu T1.

H1 lại cho bà Lê Thị S 10.000.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 37945 ngày 25/5/2016 và biên lai thu số 39185 ngày 24/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

H1 lại cho bà Lê Thị S và bà Lê Thị Thu T1 mỗi người ½ số tiền tạm ứng án phí mà bà Lê Bạch T đã nộp là 10.000.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 37944 ngày 25/5/2016 và biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 39184 ngày 24/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Ông Nguyễn Hoàng Thanh T10 phải chịu 80.511.650đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, ông T10 đã nộp 600.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 39141 ngày 29/12/2017 và biên lai thu số 0009634 ngày 23/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, ông T10 còn phải nộp tiếp số tiền là 80.211.650đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên vào lúc 14 giờ ngày 21/5/2025 có mặt các đương sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS h. Gò Công Tây, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Tuyết Linh

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS h. Gò Công Tây, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Tuyết Linh

